



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

Hà Nam, tháng .../2021



CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Thời gian: 08h30, ngày 06 tháng 05 năm 2021

Địa điểm: Trụ sở Công ty CP khoáng sản FECON (Cụm CN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam)

STT	Thời gian	Nội dung
1	08h00- 08h30	- Tiếp đón đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
2	08h30- 09h00	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông - Giới thiệu đoàn chủ tịch và Ban thư ký Đại hội - Thông qua chương trình nghị sự và quy chế làm việc của Đại hội - Khai mạc Đại hội
3	09h00- 9h50	<u>Thông qua các báo cáo:</u> - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021 - Báo cáo của HĐQT (về kết quả hoạt động năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021) - Báo cáo tổng kết của thành viên HĐQT độc lập năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 - Báo cáo tổng kết hoạt động của BKS năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021 - Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm
4	09h50- 10h30	<u>Thông qua các Tờ trình:</u> - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 đã kiểm toán - Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021. - Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020; dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS năm 2021. - Tờ trình danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty - Tờ trình thông qua các Quy chế thuộc thẩm quyền ĐHCĐ
5	10h30- 11h10	- Thảo luận và trả lời chất vấn - Biểu quyết nội dung Báo cáo, Tờ trình
6	11h10-11h25	- Nghị giải lao và kiểm phiếu
7	11h25- 11h30	- Công bố kết quả biểu quyết các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội
8	11h30- 11h50	- Trình Dự thảo Nghị Quyết và Biên bản Đại hội - Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội - Bế mạc Đại hội

Hà Nam, ngày tháng năm 2021

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON NĂM 2021**

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“**ĐHĐCĐ**”) của công ty cổ phần Khoáng Sản FECON (“**Công ty**”)
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự họp **ĐHĐCĐ**, điều kiện, thể thức tiến hành họp **ĐHĐCĐ**.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và người tham dự họp **ĐHĐCĐ** có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG,
NGƯỜI THAM DỰ HỌP TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

3.1 Điều kiện tham dự **ĐHĐCĐ:**

Là các cổ đông hoặc là người đại diện được ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 31/ 3 /2021 tham dự họp **ĐHĐCĐ**.

3.2 Quyền của các cổ đông khi tham dự **ĐHĐCĐ:**

(a) Tất cả các cổ đông của công ty đều có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của **ĐHĐCĐ** theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

(b) Trường hợp không thể tham dự **ĐHĐCĐ**, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm theo Thư mời họp **ĐHĐCĐ** của Công ty.

(c) Tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự **ĐHĐCĐ** với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự họp **ĐHĐCĐ** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/ đại diện được ủy quyền của cổ đông có mặt tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**.

(d) Cổ đông, đại diện được ủy quyền đến dự họp **ĐHĐCĐ** muộn có quyền đăng ký, và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp **ĐHĐCĐ** và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự **ĐHĐCĐ:**



- (a) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp ĐHĐCĐ phải mang theo chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- (b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- (c) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (d) Trang phục của cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ đảm bảo tính lịch sự, trang trọng.
- (e) Ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, lộn xộn, không hút thuốc lá trong phòng ĐHĐCĐ, không sử dụng điện thoại di động trong khi ĐHĐCĐ diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.
- (f) Cổ đông khi vào phòng ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ quy định, tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức ĐHĐCĐ.
- (g) Cổ đông ra về khi buổi họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc phải nộp lại thẻ biểu quyết, nộp lại phiếu biểu quyết đã đánh dấu các nội dung biểu quyết và bầu cử theo quy định.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Ban chủ tọa

4.1 Ban chủ tọa gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua, và Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp.

4.2 Ban chủ tọa có chức năng và có nhiệm vụ sau đây:

- (a) Có chức năng điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (b) Tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra một cách hợp lệ và có trật tự, và/ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- (c) Hướng dẫn các đại biểu và ĐHĐCĐ thảo luận.
- (d) Trình dự thảo, lấy ý kiến biểu quyết và kết luận các vấn đề nằm trong Chương trình họp và các vấn đề có liên quan trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (e) Trả lời các câu hỏi của cổ đông liên quan đến các vấn đề thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (f) Giải quyết bất kỳ và tất cả các vấn đề phát sinh (nếu có) trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (g) Không cần lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, bất cứ lúc nào Ban Chủ tọa cũng có thể trì hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự họp;
 - (ii) Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- (h) Quyết định của Ban Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội để thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban chủ tọa, bao gồm:

- (a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung của ĐHĐCĐ (bao gồm cả những vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc bảo lưu).
- (b) Hỗ trợ Ban Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

252
NG T
PH
.NG
CO
NG-T

(c) Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua, có chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).
- (b) Phát cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp khác.
- (c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

7.1 Ban Kiểm phiếu gồm 03 (ba) thành viên do Ban Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua.

7.2 Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- (a) Đọc Quy chế biểu quyết, kiểm phiếu.
- (b) Giới thiệu phiếu và phát phiếu.
- (c) Tiến hành thu Phiếu sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.
- (d) Tiến hành kiểm phiếu.
- (e) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 9. Cách thức tiến hành ĐHĐCĐ

9.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ dự kiến sẽ diễn ra trong một ngày.

9.2 ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình họp.

Điều 10. Thảo luận nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.

Sau khi các báo cáo được trình bày xong, Chủ tọa ĐHĐCĐ tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

10.1 Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ đăng ký nội dung phát biểu với Ban Chủ tọa qua thư ký theo mẫu Phiếu đóng góp ý kiến của công ty. Sau khi được chủ tọa cho phép phát biểu, cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp. Chủ tọa có quyền ngừng việc phát biểu của cổ đông nếu xét thấy những vấn đề kiến nghị và thảo luận trùng lặp, không liên quan đến nội dung Chương trình họp.

10.2 Chủ tọa chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong Chương trình họp. Chủ tọa không giải thích các nội dung có tính chất chuyên môn, Phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

10.3 Các câu hỏi không liên quan trực tiếp đến nội dung ĐHĐCĐ nhưng thuộc phạm vi quyền và lợi ích của cổ đông sẽ được Thư ký tập họp và Ban Chủ tọa sẽ trả lời bằng hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

10.4 Các câu hỏi không kịp trả lời trong ĐHĐCĐ do thời gian có hạn cũng sẽ được Ban Chủ tọa trả lời bằng hình thức khác trực tiếp đến cổ đông.

Điều 11. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu được ĐHĐCĐ 2021 thông qua.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ được lập thành Biên bản. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

**CHƯƠNG IV
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

Điều 13. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

13.1 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8 của quy chế này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

13.2 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 13.1 Điều này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được thực hiện trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

**CHƯƠNG V
HIỆU LỰC THI HÀNH**

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 05 Chương và 14 Điều, có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.


Hà Thế Phương

Hà Nam, ngày tháng ... năm 2021

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Việc biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần khoáng sản FECON (“Đại hội”) được tiến hành theo những quy định sau đây:

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- (a) Mọi quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phải biểu quyết công khai và trực tiếp dưới sự điều hành của Ban Chủ tọa.
- (b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức biểu quyết khi đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- (c) Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

(a) Khi đăng ký tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết THẺ BIỂU QUYẾT và PHIẾU BIỂU QUYẾT.

(b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, thông qua các nội dung của Đại hội là thẻ, phiếu in sẵn, theo mẫu của Công ty, có mã vạch và đóng dấu treo của Công ty. Trên mỗi phiếu có các thông tin sau: họ và tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ phần được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(c) Hình thức biểu quyết:

- Biểu quyết bằng giơ THẺ BIỂU QUYẾT khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết các vấn đề sau đây:

(i) Thông qua lựa chọn Ban Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu;

(ii) Thông qua chương trình họp, Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Thẻ lệ biểu quyết,

kiểm phiếu;

(iii) Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nội dung khác tại Đại hội đồng cổ

đông;

- Cổ đông sẽ biểu quyết bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc không tán thành hoặc Không có ý kiến.

- Biểu quyết bằng PHIẾU BIỂU QUYẾT dùng để biểu quyết thông qua các nội dung của chương trình họp, gồm các báo cáo, tờ trình và các quyết định khác được thông qua tại Đại hội.

Trong một PHIẾU BIỂU QUYẾT, các nội dung lấy ý kiến về từng nội dung được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần biểu quyết nội dung khác.

Trường hợp PHIẾU BIỂU QUYẾT không còn nguyên vẹn hoặc bị gạch xóa hoặc đánh dấu nhầm, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để được cấp lại PHIẾU BIỂU QUYẾT mới và phải nộp lại PHIẾU BIỂU QUYẾT cũ.

Cách ghi PHIẾU BIỂU QUYẾT:

(i) Cổ đông **đánh dấu “X”** vào một trong các ô: **Đồng ý**, hoặc **Không đồng ý**, hoặc **Không có ý kiến** tương ứng với từng vấn đề được nêu trong PHIẾU BIỂU QUYẾT.

(ii) Trong trường hợp có các vấn đề biểu quyết phát sinh ngoài các nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT, với điều kiện các vấn đề này được Đại hội thông qua để đưa vào các nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT, các cổ đông sẽ ghi các nội dung mới này vào dòng bỏ trống của PHIẾU BIỂU QUYẾT theo hướng dẫn



của Ban chủ tọa. Tương tự, cổ đông đánh dấu "X" vào một trong các ô: Đồng ý, hoặc Không đồng ý, hoặc Không có ý kiến tương ứng với từng nội dung được bổ sung.

(d) Quy định khác đối với THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT:

THẺ BIỂU QUYẾT: được in trên giấy màu hồng.

PHIẾU BIỂU QUYẾT: được in trên giấy màu trắng.

3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Các Phiếu được coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành, không có mã vạch do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty;
- Phiếu bị rách rời, không còn nguyên vẹn;
- Phiếu ghi thêm những thông tin khác không theo hướng dẫn của Ban chủ tọa, thêm ký hiệu;
- Phiếu không được điền vào ô nào hoặc được điền vào nhiều hơn một phương án trả lời mà không có chữ ký của cổ đông vào phương án trả lời cuối cùng;
- Không có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

4. Nguyên tắc thu Phiếu và tổ chức kiểm phiếu:

- (a) Ban Kiểm phiếu phải tiến hành thu Phiếu biểu quyết sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết và sau đó tiến hành kiểm phiếu.
- (b) Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thông kê và niêm phong số phiếu không dùng đến.
- (c) Ban kiểm phiếu không được gạch xóa hoặc sửa chữa trên các phiếu thu được.
- (d) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác và minh bạch của công tác kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu.

5. Công bố kết quả kiểm phiếu và khiếu nại về kết quả kiểm phiếu:

- (a) Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội trước khi bế mạc cuộc họp.
- (b) Mọi khiếu nại về kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.

Hiệu lực: Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.



Hà Thế Phương



PHIẾU BIỂU QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Mã vạch cổ đông	Số ĐK:	Số CP sở hữu:.....
Họ tên cổ đông/ đại diện:	Số được CP ủy quyền:.....	
Số CMND/ĐKSH:	Tổng số CP có quyền BQ:	

STT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến	Mã vạch
1	Thông qua Báo cáo kết quả HĐSXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
2	Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
3	Thông qua Báo cáo tổng kết của thành viên HĐQT độc lập năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
4	Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của BKS năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
5	Thông qua BCTC hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
6	Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
7	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và KH phân phối lợi nhuận năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
8	Thông qua phương án quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020; dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
9	Thông qua danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
10	Thông qua nội dung Điều lệ công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
11	Thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
12	Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của HĐQT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
13	Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của BKS	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Hà Nam, ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn: Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu “X” vào MỘT trong các phương án: Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.

Lưu ý: Cổ đông/đại diện cổ đông nộp lại phiếu này cho tổ kiểm phiếu sau khi kết thúc phần biểu quyết.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

THẺ BIỂU QUYẾT

Mã vạch cổ đông	Số ĐK:	Số CP sở hữu:.....
Họ tên cổ đông/ đại diện:		Số được CP ủy quyền:.....
Số CMND/ĐKSH:		Tổng số CP có quyền BQ:

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021



Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty cổ phần khoáng sản FECON

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi: Các dự án lớn đã kí từ cuối năm ngoái khối lượng còn tiếp tục sang đến nửa đầu năm nay như: Dự án Lotte mall Hà Nội, Nước mặt Sông Hồng, Nhiệt điện Nghi Sơn2... Các dự án kí mới như: các dự án nhà xưởng, nhà biệt thự, tại các khu công nghiệp; khu đô thị; nhà chung cư, xuất khẩu đi Đài Loan... Cung cấp ra thị trường hơn 1.5 triệu m dài cọc. Phục vụ cho gần 120 dự án trong cả nước.

2. Khó khăn:

- Yếu tố dịch bệnh: Ngay từ đầu năm âm lịch toàn thế giới phải đối mặt với dịch bệnh COVID 19 kéo dài cho tới hiện nay đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam.
- Yếu tố chính trị: Đại hội Đảng bộ các cấp được tổ chức làm cho toàn hệ thống chính trị tập trung vào hoạt động quan trọng này dẫn đến nền kinh tế cũng bị tác động ảnh hưởng. Đặc biệt các dự án lớn trọng điểm cũng diễn ra chậm hơn.
- Thị trường vật liệu biến động phức tạp, giá sắt biến động nhanh đặc biệt là thép chủ nhập khẩu; Vật liệu rời cũng biến động tăng.
- Đối thủ cạnh tranh tăng nhiều, hiệu quả của các dự án không cao do giá thấp.
- Máy móc thiết bị đồng bộ của Trung Quốc từ năm 2008 tại công ty CP khoáng sản FECON có dấu hiệu xuống cấp, hay hỏng hóc.
- Nguồn việc cả năm rất hạn chế...

II. Kết quả SX KD năm 2020

1. Kết quả đạt được

1.1. Các chỉ tiêu về tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		Tỉ lệ %
			KH	TH	So với KH 2020
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ	600/800	572	95.2%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ	36/48	27.9	77.5%
3	Chia cổ tức	%	2,5% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu	2,5% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu	100%

1.2. Các chỉ số chi tiết

Chỉ tiêu (tỉ)	FCM			FCNS			Hợp nhất		
	KH NĂM 2020	TH NĂM 2020	% so với KH năm	KH NĂM 2020	TH NĂM 2020	% so với KH năm	KH NĂM 2020	TH NĂM 2020	% so với KH năm
Doanh thu (tỉ)	465	454	98%	135	119	89%	600	572	95%
<i>Bán cho hệ thống FCN</i>	269	198	74%	31	18	58%	300	216	72%
<i>Bán cho hệ thống PV</i>	35	58	166%	10	18	180%	45	77	171%
<i>KH khác</i>	168	197	117%	98	83	85%	255	278	109%
LNST (tỉ)	30	35.7	119%	6	-2.6	-31%	36	27.9	78%

Một số KQ đạt được của năm 2020

- 1.1. Trong bối cảnh dịch bệnh căng thẳng, nền kinh tế giảm mạnh, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc thua lỗ, thì công ty vẫn duy trì được công việc và có lợi nhuận dương. Người lao động nỗ lực vượt khó cùng công ty...
- 1.2. Nhanh chóng hòa nhập với văn hóa và các mô hình quản trị mới của tổng công ty Phan Vũ, đáp ứng các yêu cầu của tập đoàn. Triển khai thành công hệ thống ERP từ đầu năm, vận hành theo Mô hình quản trị chuỗi cung ứng từ tháng 5/2020.
- 1.3. Hoàn thiện chính sách bán hàng theo hướng chủ động tự doanh.
- 1.4. Hòa nhập có kết quả bộ máy kinh doanh của công ty với VPKD Nam Hà Nội của tập đoàn...
- 1.5. Chất lượng sản phẩm khá ổn định được khách hàng đánh giá cao. Cọc bị sự cố ở công trường mà lỗi do chất lượng bê tông gần như không có.
- 1.6. Công tác tự bán hàng được cải thiện tốt. Doanh thu tự bán chiếm 49% DT tại FCM. Với mạng lưới đối tác khách hàng truyền thống trên 10 đối tác.
- 1.7. CBCNV tích cực tham gia vào phong trào SK cải tiến. Toàn công ty đã đưa được 87 SK vào áp dụng thành công, như vậy là từ năm 2009 đến nay đã có khoảng gần 800 sáng kiến được ứng dụng thành công đem lại hiệu quả thiết thực về mọi mặt: Năng suất, chất lượng, an toàn, điều kiện làm việc, môi trường...
- 1.8. Hệ thống nhà cung cấp trung thành tối thiểu mỗi loại có từ 2-3 nhà và mua được với giá tốt nhất, đặc biệt là các nguyên vật liệu chính.
- 1.9. Hệ thống đối tác tài chính tin tưởng cho vay bằng tín chấp.
- 1.10. Hệ thống quy chế, quy trình được ban hành đầy đủ, vận hành theo hệ thống quản lí chất lượng ISO 9001:2015

2. Những việc còn tồn tại

- 2.1. Về sản xuất tự giác, người lao động trực tiếp làm ra sản phẩm vẫn chưa thực sự tự giác, vẫn phải có người đôn đốc nhắc nhở mới chú ý tới an toàn và chất lượng, sử dụng nguyên, nhiên vật liệu chưa thực sự tiết kiệm, hiệu quả...
- 2.2. Công tác cung ứng vẫn còn chậm ảnh hưởng phần nào tới sản xuất và sửa chữa.
- 2.3 Công tác thu hồi công nợ còn chưa đạt kết quả, nợ phải thu lớn đặc biệt là với khách nợ FCN. Tổng nợ cuối năm 2020 khoảng 175 tỉ. FCN đã xây dựng lộ trình thanh toán khoản nợ này cho năm 2021 và các dự án mới của FCN Group thì đều có tạm ứng và bảo lãnh thanh toán.

3. Báo cáo thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2020

- 3.1. Ban điều hành luôn bám sát nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua và các nghị quyết của HĐQT hàng quý, để triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được các kết quả Doanh thu HN/ LNSTHN như đã nêu trên.
- 3.2. Thực hiện kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được thông qua như: chia cổ tức 5% vào tháng 8 năm 2020, trích các quỹ theo qui định...
- 3.3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán E&Y làm đơn vị kiểm toán bán niên và cả năm.
- 3.4. Triển khai đền bù giải phóng mặt bằng dự án Thái Hà đạt 75% KH. Đặc điểm dự án đền bù này là: Doanh nghiệp tự thoả thuận với người dân. Mà không phải diện nhà nước thu hồi đất giao cho DN. Hơn nữa chính quyền địa phương đang tập trung đền bù 200ha của khu công nghiệp Thái Hà bên cạnh. Nên việc thoả thuận với người dân gặp không ít khó khăn. Giari pháp hiện nay là cử người “đeo bám” cùng với chính quyền xã Chân Lý và thôn 7, thôn 8 xã Chân Lý để thuyết phục và vận động tới từng hộ dân còn lại...

4. Những thách thức

Bên cạnh những việc đã đạt được công ty không thể không kể đến những thách thức lớn phải đối mặt như:

- 4.1. Đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực cọc li tâm ngày càng nhiều và không chỉ đến từ trong nước mà còn tới từ nước ngoài. Hiện tại Hà Nam ra đời thêm 5 công ty SX cọc tròn li tâm dự ứng lực.
- 4.2. Giá nguyên, nhiên vật liệu chính, đặc biệt là thép và đá biến động tăng cao...
- 4.3. Nguồn nhân sự tại khu vực ngày một khan hiếm. Đặc biệt là CN lao động kỹ thuật.
- 4.4. Diễn biến dịch bệnh vẫn còn rất phức tạp...

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Cơ sở lập kế hoạch

- Căn cứ cụ thể vào tình hình thị trường cuối năm 2020 đầu năm 2021. Đặc biệt là tình hình dịch bệnh vẫn đang diễn biến rất phức tạp. Các biện pháp phòng chống dịch vẫn được thúc đẩy quyết liệt. Thị trường tê liệt; Các dự án phải đóng cửa, dòng vốn FDI từ TQ và HQ còn nhiều hạn chế. Các dự án lớn trọng điểm ít; Các dự án xây dựng dân dụng như chung cư; Các dự án cảng thì đặc thù; các dự án XD công nghiệp thì diễn ra cục bộ, thời điểm, không dự báo được...; Do vấn đề môi trường nên hiện nay đang bùng nổ các dự án điện gió từ nam miền Trung trở vào và một số dự án điện theo quy hoạch điện VII được triển khai như: Nhiệt điện Nam Định, Nhiệt điện Vũng Áng 2; Nhiệt điện Quảng Trạch. Ngoài ra còn có các dự án xuất

khẩu. Mặc dù có nhiều thách thức nhưng cơ hội cho ngành vẫn còn rất lớn. Và sau dịch bệnh Chính phủ có các gói hỗ trợ thúc đẩy nền kinh tế, nhất là các dự án giao thông và xây dựng, sự chuyển dịch dòng vốn FDI của các tập đoàn lớn vào VN khá rõ rệt...

- Phát huy những việc làm được và khắc phục những việc chưa làm được. Ban điều hành xin Kính trình Đại hội đồng cổ đông KHSXKD như sau:

1. Các chỉ tiêu chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410	
2	Doanh thu HN	Tỷ	572	660	12%
3	Lợi nhuận sau thuế HN	Tỷ	28.6	35	12%
4	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	2,5% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu	5	

2. Một số giải pháp chính

- Tập trung khai thác thị trường phía Bắc và Bắc Trung Bộ để tìm kiếm dự án mới.
- Liên tục cải tiến tổ chức sản xuất và tìm kiếm cấp phối mới để giảm giá thành tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.
- Ổn định chất lượng của sản phẩm, đáp ứng đòi hỏi ngày càng khắt khe của khách hàng.
- Duy trì công tác bảo dưỡng thường xuyên và định kì đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định. Lâm tốt công tác dự phòng vật tư và cụm chi tiết máy chính để xử lý kịp thời khi sự cố xảy ra.
- Kế hoạch đầu tư thiết bị sửa khuôn, đảm bảo chất lượng và tuổi thọ của khuôn sau 14 năm hoạt động.
- Cùng với FCN và PV để tham gia các dự án lớn, trọng điểm trong nước.
- Tập trung vào công tác tìm kiếm vật liệu mới như phụ gia, xi măng để góp phần vào việc giảm giá.
- Tập trung vào công tác thu hồi công nợ nhằm giảm chi phí tài chính và chủ động nguồn tiền.

3. Đầu tư mở rộng

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng nhà máy bê tông Thái Hà và Cảng Thái Hà.
- Đề xuất đầu tư thêm thiết bị phục vụ SX tại FCM (nếu có) : 15 tỉ

Hà Nam, ngày tháng 04 năm 2021



Giám đốc
Bùi Văn Trung Thành

FECON
Mining

Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tâm cao

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng,
tỉnh Hà Nam

Điện thoại: (84-0226) 3533 038 Fax: (84-0226) 3533 897

Website: www.feconmining.com.vn

**BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Về kết quả hoạt động năm 2020, Kế hoạch hoạt động năm 2021)

Hà Nam, tháng..... năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2020

1. Chỉ tiêu về kinh doanh/tài chính:

CHỈ TIÊU VỀ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Tỷ lệ % với 2019
Doanh thu (tỷ đồng)	750.5	600/800	571.8	95.3%	76.2%
LNST (tỷ đồng)	47.4	36.0	27.9	77.4%	58.8%
Lãi trên cổ phiếu (đồng)	942		640		67.9%

CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ROA	ROE	ROS	Lãi cơ bản/cổ phiếu (đồng)	Ghi chú
Thực hiện 2020	3.4%	4.9%	4.9%	640	
Thực hiện 2019	5.2%	8.3%	6.3%	942	
Tỷ lệ so với 2019	66%	59%	77%	68%	

- Doanh thu đạt 571.8 tỷ; bằng 71.5% so với kế hoạch tại Đại hội cổ đông đã thông qua; bằng 95.3% so với kế hoạch được điều chỉnh.
- Lợi nhuận hợp nhất đạt 27.9 tỷ; bằng 58% so với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua; bằng 77.4% so với kế hoạch điều chỉnh.

CÁC CHỈ TIÊU KHÁC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2019	Tăng (+)/giảm (-) so với năm trước
Tổng Tài sản	Đồng	809,784,276,096	905,905,740,113	(96,121,464,017)
Tài sản ngắn hạn	Đồng	632,335,778,553	694,676,994,124	(62,341,215,571)
Tài sản dài hạn	Đồng	177,448,497,543	211,228,745,989	(33,780,248,446)
Hàng tồn kho	Đồng	132,459,015,021	215,275,643,874	(82,816,628,853)
Tiền và các khoản tương đương tiền	Đồng	36,067,598,679	78,791,224,680	(42,723,626,001)
Nợ phải trả	Đồng	244,789,367,644	336,384,762,153	
Chỉ số thanh toán hiện hành (= TSNH/nợ NH)	Lần	2.6	2.1	0.52

- Công tác tự bán hàng đã có những chuyển biến tích cực

Chi tiêu (ĐVT: tỷ đồng)	FCM	FCNS	Hợp nhất	KH Năm	Tỷ lệ hoàn thành/KH (%)	Cơ cấu khách hàng /DT (%)
Doanh Thu	454	119	572	600	95	100
Bán cho hệ thống FCN	198	18	216	300	72	38
Bán cho hệ thống PV	58	18	77	45	171	13
Khách hàng khác	197	83	278	255	109	49
LNST	35.7	-2.1	27.9	36	77.4	

- Phát triển thị trường vào miền Trung (Đà Nẵng, Nha Trang), đã mở ra thị trường mới. Tuy nhiên khi thâm nhập thị trường mới cần quan tâm đến việc thu hồi tiền tránh rủi ro hình thành nợ xấu.

3. Công tác quản lý tài chính và quản trị rủi ro

- Công tác thu hồi tiền: Công tác thu hồi tiền luôn được quan tâm và theo sát nhằm tránh rủi ro. Phòng Kinh doanh thường xuyên kết hợp với phòng kế toán để hoàn thành việc nghiệm thu, quyết toán, xuất hoá đơn và đơn đốc thu hồi công nợ. Tuy nhiên chỉ số nợ phải thu còn quá lớn, đặc biệt nợ quá hạn ở FECON.
- Công tác phân loại/đánh giá khách hàng được tập trung để có lựa chọn, tránh rủi ro. Đội ngũ bán hàng của FCM, FCNS thường xuyên trao đổi với đội ngũ bán hàng của FCN, Phan Vũ để tập hợp và phân loại khách hàng thường xuyên, sàng lọc những khách hàng có tài chính kém, thường xuyên lợi dụng vốn.... Từ đó có những quyết định phù hợp khi thương thảo hợp đồng với từng loại khách hàng (Bảo lãnh thanh toán, giá ...)

4. Cơ cấu bộ máy tổ chức

- Tại Fecon Mining và Fecon Nghi sơn, về cơ cấu tổ chức không thay đổi. Tỷ lệ nhảy việc thấp. Điều đó cho thấy chính sách nhân sự thu hút được người lao động. Từ cán bộ quản lý đến nhân viên khá yên tâm gắn bó với công ty.
- Hệ thống FCM mới mua thành công công ty Bê tông Thái Hà, các công việc liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, xin giấy phép xây dựng ... bị ảnh hưởng nhiều do tác động của dịch Covid 19 nên không đảm bảo được đúng tiến độ đã đề ra.

5. Công bố thông tin và đảm bảo tính minh bạch.

Việc công bố thông tin thường xuyên luôn đảm bảo đúng thời điểm, minh bạch.

II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Đại hội cổ đông. - Năm 2020, công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 12/6/2020. Thông tin về Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
	0612/2020/NQ- ĐHĐCĐ	12/6/2020	<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua báo cáo kết quả HĐSXKD năm 2019, kế hoạch 2020. 2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020. 3. Thông qua báo cáo của thành viên độc lập HĐQT. 4. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2019, Kế hoạch hoạt động năm 2020. 5. Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán. 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019. 7. Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. 8. Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019; dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020 9. Thông qua danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020.

2.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị họp thường xuyên mỗi quý 1 lần để nghe báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, những khó khăn, đề xuất của Ban giám đốc.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, tạo điều kiện để Ban giám đốc hoàn thành nhiệm vụ mục tiêu mà Đại hội cổ đông và HĐQT đã giao cho.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Hà Thế Phương	Chủ tịch	05/05/2010 đến nay	6/6	100%	
2	Phan Khắc Long	Phó chủ tịch	15/02/2019 đến nay	6/6	100%	Bổ nhiệm 15/02/2019
3	Trần Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	15/02/2019 đến nay	6/6	100%	Bổ nhiệm 15/02/2019
4	Đoàn Hùng Dũng	TV HĐQT	15/02/2019 đến nay	6/6	100%	Bổ nhiệm 15/02/2019
5	Trần Công Tráng	TV HĐQT	15/02/2019 đến nay	6/6	100%	Bổ nhiệm 15/02/2019

3. Thù lao, chi phí của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được chi trả hàng tháng vào tài khoản cá nhân theo mức thù lao đã được Đại hội cổ đông thông qua. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao/tháng (vnd)	Tổng số (vnd)/năm	Ghi chú
1	Hà Thế Phương	Chủ tịch	25.000.000	125.000.000	5 tháng đầu năm
			12.500.000	87.500.000	7 tháng cuối năm
2	Phan Khắc Long	Phó Chủ tịch	10.000.000	50.000.000	5 tháng đầu năm
			5.000.000	35.000.000	7 tháng cuối năm
3	Trần Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	8.000.000	40.000.000	5 tháng đầu năm
			4.000.000	28.000.000	7 tháng cuối năm
4	Đoàn Hùng Dũng	Thành viên HĐQT độc lập	8.000.000	40.000.000	5 tháng đầu năm
			4.000.000	28.000.000	7 tháng cuối năm
5	Trần Công Tráng	Thành viên HĐQT độc lập	8.000.000	40.000.000	5 tháng đầu năm
			4.000.000	28.000.000	7 tháng cuối năm
6	Lê Thị Anh	Trưởng Ban kiểm soát	8.000.000	40.000.000	5 tháng đầu năm
			4.000.000	28.000.000	7 tháng cuối năm
7	Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên BKS	5.000.000	25.000.000	5 tháng đầu năm
			2.500.000	17.500.000	7 tháng cuối năm
8	Hà Thị Mỹ Quyên	Thành viên BKS	5.000.000	25.000.000	5 tháng đầu năm
			2.500.000	17.500.000	7 tháng cuối năm
9	Nguyễn Hữu Thiều	Thư ký HĐQT	5.000.000	25.000.000	5 tháng đầu năm
			2.500.000	17.500.000	7 tháng cuối năm
Tổng số				697.000.000	12 tháng

4. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày, tháng	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	0108/2020/NQ-HĐQTFCM	08/01/2020	Thông qua kế hoạch về chi phí, tiến độ và cơ cấu tổ chức công ty CP bê tông Thái Hà.	100%
2	021101/2020/NQ-HĐQTFCM	11/02/2020	Thông qua các nội dung họp HĐQT Quý 4/2019.	100%

3	021102/2020/NQ-HĐQTFCM	11/02/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	100%
4	022801/2020/QĐ-HĐQTFCM	28/02/2020	V/v miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc công ty CP khoáng sản FECON đối với ông Lê Quang Trung	100%
5	022802/2020/QĐ-HĐQTFCM	28/02/2020	V/v bổ nhiệm chức vụ Phó giám đốc công ty CP khoáng sản FECON đối với ông Lương Anh Kiêm	100%
6	0323/2020/QĐ-HĐQTFCM	23/03/2020	V/v hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
7	0427/2020/QĐ-HĐQTFCM	27/04/2020	V/v tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	100%
8	042701/2020/QĐ-HĐQTFCM	27/04/2020	V/v thông qua các nội dung họp HĐQT Quý 1 năm 2020.	100%
9	042702/2020/QĐ-HĐQTFCM	27/04/2020	V/v phê duyệt tổng mức dư nợ tại các tổ chức tín dụng.	100%
10	0529/2020/QĐ-HĐQTFCM	29/05/2020	V/v thông qua nội dung tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	100%
11	0702/2020/NQ-HĐQTFCM	02/7/2020	V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020	100%
12	072301/2020/NQ-HĐQTFCM	23/7/2020	V/v thông qua báo cáo kết quả HĐSXKD 6 tháng đầu năm, kế hoạch 6 tháng cuối năm 2020.	100%
13	072302/2020/NQ-HĐQTFCM	23/7/2020	V/v chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền.	100%
14	102201/2020/NQ-HĐQTFCM	22/10/2020	V/v thông qua báo cáo kết quả HĐSXKD 9 tháng đầu năm 2020 và phê duyệt chính sách bán hàng của công ty CP khoáng sản FECON.	100%
15	102202/2020/NQ-HĐQTFCM	22/10/2020	V/v điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.	100%
16	1231/2020/NQ-HĐQTFCM	31/12/2020	V/v thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty cổ phần khoáng sản FECON với các doanh nghiệp và người có liên quan theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty	100%

17	0129/2021/NQ-HĐQTFCM	29/01/2021	V/v thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và một số nội dung hợp HĐQT Quý 4 năm 2020.	100%
18	031001/2021/NQ-HĐQTFCM	10/3/2021	V/v thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021	100%
19	031002/2021/NQ-HĐQTFCM	10/3/2021	V/v họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
20	031901/2021/NQ-HĐQTFCM	19/3/2021	V/v thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%

5. Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị luôn theo sát, giám sát hoạt động của Ban giám đốc, cụ thể:

- Phê duyệt các kế hoạch, giao KPI cho toàn hệ thống, đặc biệt trong cuộc họp HĐQT quý 2 đã điều chỉnh kịp thời mức giao lợi nhuận hợp nhất của Công ty từ 48 tỷ xuống 36 tỷ.
- Phê duyệt các quyết định về việc bãi nhiệm, bổ nhiệm cán bộ của Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý theo phân cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Phê duyệt các quyết định liên quan đến việc đầu tư, đặc biệt các việc liên quan đến nhà máy bê tông Thái Hà.

6. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua, căn cứ vào thị trường xây dựng khu vực trong năm đầu tiên chịu ảnh hưởng nhiều của dịch bệnh covid 19 có thể nhận thấy những mặt mạnh, những hạn chế của hệ thống của công ty Cổ phần khoáng sản FECON như sau:

Những điểm mạnh:

- Chất lượng sản phẩm luôn ổn định, duy trì ở chất lượng tốt nhất trên thị trường.
- Hoạt động cải tiến diễn ra liên tục và có hiệu quả, đặc biệt là tại Hà Nam.
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ổn định, nhiệt huyết, hết mình vì sự phát triển của công ty.
- Quy trình quản lý 5S, quản lý chất lượng được thực hiện nghiêm túc, duy trì thường xuyên.
- Phát huy tốt điểm mạnh về vị trí địa lý nằm giữa vùng nguyên liệu đá vôi lớn nhất, giá rẻ nhất thị trường Việt Nam.
- Công tác bán hàng có những bước đáng kể ở Hà Nam và ngay cả Nghi Sơn.

Những hạn chế:

- Công tác định hướng phát triển thị trường: Chưa dẫn dắt được thị trường trong cuộc chơi. Cần xác định vị thế người dẫn dắt các thầu phụ để tham gia vào thị trường.

- Cần quan tâm đến quản trị rủi ro để tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công tác thu hồi công nợ chưa thật tốt, nhất là các khách hàng lớn như FCN, nợ phải thu quá nhiều.

Định hướng:

- Hoàn thành các thủ tục liên quan đến việc giải phóng mặt bằng, cấp phép đầu tư và xây dựng nhà máy bê tông Thái Hà.
- Nâng cao chất lượng để xuất khẩu vào được thị trường các nước Đông Nam Á, làm bàn đạp để xuất vào thị trường các nước phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc theo định hướng phát triển chung của tập đoàn Phan Vũ.
- Hướng đến các sản phẩm cộc và Bê tông đúc sẵn cao cấp đảm bảo chất lượng cao, thân thiện với môi trường.

7. Đánh giá chung

Hội đồng quản trị đã nghiêm túc thực hiện và hoàn thành được những nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông giao cho, đã đồng hành cùng Ban giám đốc và hỗ trợ Ban giám đốc hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội cổ đông năm 2020.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị FCM trong năm 2020 và Kế hoạch hoạt động 2021. Kính trình Đại hội cổ đông thông qua.



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hà Thế Phương

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm tài chính 2020, thực thi trách nhiệm và quyền hạn theo Điều lệ công ty, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin báo cáo kết quả hoạt động của Ban trong năm 2020 như sau:

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP NĂM 2020

1. Thành viên hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập gồm 2 thành viên:

<i>STT</i>	<i>HỌ VÀ TÊN</i>	<i>CHỨC VỤ</i>
1	Ông Đoàn Hùng Dũng	Thành viên HĐQT độc lập
2	Ông Trần Công Tráng	Thành viên HĐQT độc lập

2. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập năm 2020:

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ theo Quý, họp đột xuất, lấy ý kiến bằng văn bản khi có yêu cầu và hoàn thành chức năng chỉ đạo, giám sát theo quy định. Cùng với Hội đồng quản trị xem xét và thông qua các Nghị quyết, biên bản họp để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

- Đóng góp tích cực vào việc xây dựng và giám sát thực hiện chiến lược chung của Công ty
- Kiểm soát hoạt động của Ban điều hành: Các thành viên đã xem xét kỹ lưỡng các kế hoạch và kết quả hoạt động của Ban giám đốc trong việc đạt được những mục đích, mục tiêu đề ra và tích cực giám sát hoạt động thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành và đóng góp các báo cáo quý hoặc đột xuất của Ban giám đốc.
- Kiểm soát rủi ro: Các thành viên hỗ trợ kiểm tra để đảm bảo các thông tin tài chính được công bố chính xác. Đồng thời góp phần làm vững mạnh việc kiểm soát tài chính được chặt chẽ hơn
- Nhân sự : Các thành viên đã giúp xác định mức thù lao phù hợp dành cho các thành viên Hội đồng quản trị, có vai trò tích cực trong việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ quản lý cấp cao.

3. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD chung của công ty trong năm 2020:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh chính (Báo cáo hợp nhất):

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện năm 2020	% TK/KH điều chỉnh
1	Doanh thu bán hàng (tỷ đồng)	800	600	572	95,2%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	48	36	27,9	77,5%

b. Những điểm đạt được

- Do tình hình dịch Covid 19 tác động tiêu cực vào mọi mặt kinh tế, đời sống và sản xuất. Nhưng được sự lãnh đạo sát sao của Hội Đồng Quản trị và sự nỗ lực của Ban Điều Hành và đội ngũ CBNV công ty FCM (hợp nhất) đã duy trì hoạt động và đã đạt một số thành công nhất định, kết quả kinh doanh có lãi.
- Bên cạnh đó FCM đã không ngừng ổn định năng lực sản xuất, duy trì chất lượng sản phẩm ổn định trước một số biến động của thị trường vật tư, lao động như :
 - + Tìm kiếm và đưa vào sử dụng xi măng Long sơn đảm bảo chất lượng ổn định và giá thành cạnh tranh
 - + Duy trì nhân sự tương đối ổn định
 - + Đào tạo nội bộ các nội dung về 5S, chất lượng và an toàn nhằm duy trì thường xuyên hoạt động 5S.
- Triển khai và chính thức áp dụng phần mềm quản trị ERP
- Triển khai áp dụng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng tập trung theo chiến lược chung của Tập đoàn Phan Vũ
- Ban hành được quy chế bán hàng theo hướng chủ động và đồng bộ hoạt động bán hàng với tập đoàn Phan Vũ.

c. Những điểm chưa đạt:

Bên cạnh các thành tựu đạt được, quá trình thực hiện của FCM còn tồn tại một số vấn đề cần cải tiến như sau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Nghi Sơn còn rất kém. Chưa đạt về chỉ tiêu doanh thu, dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2020 đang bị lỗ 2 tỷ đồng. Điều này ảnh hưởng chung đến kết quả kinh doanh hợp nhất của toàn Công ty
- Tình hình giải quyết công nợ chưa tốt kéo dài, nợ tồn đọng lớn và giải quyết chưa hiệu quả. Tổng dư nợ phải thu có xu hướng gia tăng so với năm 2019:

1252
ĐNG
PH
ÁNG
ECO
ÁNG-

+ Số dư công nợ phải thu tại ngày 31/12/2020 là : 434 tỷ đồng.

+ Một số khách hàng có số dư công nợ lớn như: Công ty cổ phần Fecon, Công ty cổ phần đầu tư Phan Vũ, Công ty TNHH Hiệu Thắng, Công ty TNHH Bảo Phúc.... (Chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2020). Tính đến hết 31.12.2020, khoản mục nợ ngắn hạn đang chiếm hơn 50% tổng tài sản của FCM. Chi riêng FCN – đối tác chiến lược của FCM – tổng dư nợ 175.7 tỉ, trong đó 110 tỉ là công nợ cũ và phải dùng tiền mặt để thanh toán cho FCM, khoản phải thu này đã có cam kết thanh toán theo lộ trình của bên phía FCN (Theo báo cáo của BDH FCM).

+ Việc công nợ phải thu gia tăng sẽ ảnh hưởng đến dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh, gây rủi ro và thiệt hại cao cho FCM trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

- Tuy đã có một số chuyển biến đáng khích lệ, nhưng hoạt động bán hàng chưa có chiến lược rõ ràng và cách bán hàng chưa hiệu quả cao: chỉ tập trung vào một số nhóm khách hàng nhất định nên rất dễ bị lệ thuộc nặng nề vào các khách hàng này. Đó là rủi ro rất lớn trong Quản lý Kinh doanh.
- Do ảnh hưởng của Dịch Covi19 và yêu cầu của huyện uỷ Lý Nhân về giá đền bù cho dân không vượt quá quy định của Nhà nước để Huyện Lý Nhân đền bù giải phóng mặt bằng cho 100ha cho dự án khác của Huyện nên công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai Dự án Nhà máy Bê Tông Thái Hà theo chủ trương của HĐQT.

4. Các kiến nghị và đề xuất:

a. Công tác điều hành sản xuất kinh doanh tại Nghi Sơn:

Nhằm cải tiến và đưa Công ty CP Nghi Sơn kinh doanh có lãi, đề nghị ban điều hành áp dụng một số biện pháp sau:

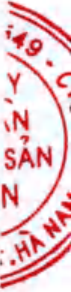
- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức, tái cấu trúc lại nhân sự theo hướng tinh giảm và hiệu quả. để tăng năng suất lao động/ từng lao động.
- Tăng cường công tác bán hàng nhằm tăng doanh thu: Tìm kiếm khách hàng mới, phối hợp với bộ phận bán hàng của Phan Vũ Group để tìm kiếm thị trường kinh doanh mới.
- Tiết giảm các chi phí lãng phí, tăng năng suất lao động/ từng lao động.

b. Công tác kinh doanh, bán hàng :

- Phát triển hơn nữa mảng tự doanh, đa dạng hóa khách hàng, tránh phụ thuộc quá nhiều vào một số khách hàng lớn như Công ty Fecon,...
- Tiếp tục cải tiến chính sách bán hàng nhằm gia tăng tỷ lệ trúng thầu, giảm đến mức thấp nhất tỷ lệ trượt thầu.
- Tìm hiểu kỹ về hiện trạng dự án, tình hình tài chính của Chủ đầu tư/khách hàng tránh các rủi ro về tài chính hoặc tiến độ cung cấp cũng như thu hồi công nợ

c. Công tác thu hồi công nợ :

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ.



- Giải quyết tình trạng nghiệm thu tồn đọng đối với các trường hợp cung cấp hàng, thực hiện đúng thời gian qui định. Đảm bảo tất cả hàng cung cấp mới không để nghiệm thu trễ.
- Truy thu toàn bộ thiệt hại (tính lãi do trả chậm) từ các giao dịch tất cả các khách hàng khác (theo các chỉ đạo của HĐQT) .
- Thu hồi công nợ của FCN tới mức thỏa thuận là 120 tỷ.

d. Dự án Nhà máy bê tông Thái Hà :

- Tiếp tục và đẩy nhanh công tác đền bù, giải phóng mặt bằng
- Sau khi đền bù xong, đề nghị Ban điều hành khẩn trương triển khai các công việc tiếp theo theo đúng lộ trình.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP NĂM 2021

1. Kiểm soát hoạt động của Ban điều hành theo các Nghị Quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị công ty
2. Cùng với HĐQT Công ty có các đóng góp tích cực vào việc xây dựng và giám sát thực hiện chiến lược chung của Công ty
3. Tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ theo Quý, họp đột xuất, lấy ý kiến bằng văn bản khi có yêu cầu và hoàn thành chức năng chỉ đạo, giám sát theo quy định.
4. Phối hợp Cùng với Hội đồng quản trị, Ban điều hành xem xét và thông qua các Nghị quyết, biên bản họp để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kế hoạch hoạt động năm 2021. Kính trình ĐHCĐ xem xét và cho ý kiến để chúng tôi thực hiện tốt vai trò của mình trong việc giám sát, chỉ đạo các hoạt động của công ty.

Cuối cùng Chúng tôi xin gửi tới các Quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn.

Ngày tháng năm 2021.

Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị FCM (Fecon Mining)



TS. Đoàn Hùng Dũng



Mr. Trần Công Tráng

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Hà Nam, tháng 4 năm 2021

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm tài chính 2020.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm tài chính 2020, thực thi trách nhiệm và quyền hạn theo Điều lệ công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin báo cáo kết quả hoạt động của Ban trong năm 2020 như sau:

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát công ty gồm 3 thành viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lê Thị Anh	Trưởng ban
2	Hà Thị Mỹ Quyên	Thành viên
3	Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ của BKS;
- Cử người đại diện tham gia đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị;
- Tham gia đóng góp các ý kiến trong việc xây dựng các Quy chế...
- Đề xuất, lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính Công ty;
- Thảo luận về tính chất, phạm vi với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (*đơn vị được chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính*) trước và trong quá trình kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020; xem xét các ý kiến ngoại trừ ảnh hưởng đến chất lượng Báo cáo tài chính Công ty;
- Thẩm tra tính hợp lý, hợp lệ và cân trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập các Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

3. Đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

a. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông; các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều bám sát vào tình hình thực tế hoạt động của Công ty;



- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để thông qua các Nghị quyết, quyết định, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020;
- Chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2020 phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD thực tế của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định;
- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020 đều bám sát mục tiêu định hướng phát triển chiến lược của đại hội đồng cổ đông.

b. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc:

- Năm 2020, FCM chỉ đạt 95% chỉ tiêu doanh thu và 77.5% chỉ tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên, do tác động tiêu cực của đại dịch covid tới nền kinh tế Việt Nam nói riêng và kinh tế toàn cầu nói chung, để đạt được kết quả như trên là sự nỗ lực không nhỏ của ban giám đốc;
- Tập trung nguồn lực bán hàng, kết quả đã tăng tỉ trọng doanh thu tự bán lên 49% và xây dựng được hệ thống khách hàng riêng;
- Công tác thi đua sáng kiến vẫn được duy trì và phát triển, ngày càng có nhiều cán bộ nhân viên tích cực tham gia;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước theo Quy định của pháp luật;
- Quan tâm và chăm lo tốt đến đời sống của người lao động cả về mặt vật chất lẫn tinh thần;
- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Ban giám đốc công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của công ty trong năm 2020:

Trên cơ sở thẩm định lại các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Ban kiểm soát đánh giá như sau:

- Thống nhất với các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Một số chỉ tiêu HĐKD và tài chính của Công ty năm 2020 như sau:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh:

Mục	2021	2020	Tỉ lệ 2021/2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	571,836,632,554	750,844,106,558	76%
Các khoản giảm trừ doanh thu	77,740,455	300,159,727	26%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	571,758,892,099	750,543,946,831	76%
Giá vốn hàng bán	505,625,361,128	648,448,787,850	78%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66,133,530,971	102,095,158,981	65%
Doanh thu hoạt động tài chính	989,717,559	690,878,462	143%
Chi phí tài chính	10,915,639,403	16,625,377,858	66%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	10,814,351,359	16,349,842,933	66%
Chi phí bán hàng	2,151,172,631	3,684,688,993	58%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20,045,499,365	26,392,267,613	76%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	34,010,937,131	56,083,702,979	61%
Thu nhập khác	1,728,818,459	2,701,873,133	64%
Chi phí khác	410,313,997	1,198,181,478	34%
Lợi nhuận khác	1,318,504,462	1,503,691,655	88%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35,329,441,593	57,587,394,634	61%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7,490,481,970	10,143,835,018	74%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27,838,959,623	47,443,559,616	59%

b. Về cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn tại ngày 31/12/2020

Mục	2021	2020	Tỉ lệ 2021/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	632,335,778,553	694,676,994,124	91%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	36,067,598,679	78,791,224,680	46%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6,500,000,000	5,000,000,000	130%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	452,299,002,240	379,611,026,158	119%
4. Hàng tồn kho	132,459,015,021	215,275,643,874	62%
5. Tài sản ngắn hạn khác	5,010,162,613	15,999,099,412	31%
II - TÀI SẢN DÀI HẠN	177,448,497,543	211,228,745,989	84%
1. Các khoản phải thu dài hạn	2,648,598,398	2,565,548,398	103%
2. Tài sản cố định	152,795,185,440	185,669,436,942	82%
3. Bất động sản đầu tư	864,700,000	864,700,000	100%
4. Tài sản dở dang dài hạn	20,425,740,827	20,142,385,386	101%
5. Tài sản dài hạn khác	637,897,878	1,890,800,263	34%
6. Lợi thế thương mại	76,375,000	95,875,000	80%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	809,784,276,096	905,905,740,113	89%
I - NỢ PHẢI TRẢ	244,789,367,644	336,384,762,153	73%
1. Nợ ngắn hạn	244,116,567,644	335,523,162,153	73%
2. Nợ dài hạn	672,800,000	861,600,000	78%
II - VỐN CHỦ SỞ HỮU	515,687,726,391	513,776,711,951	100%
1. Vốn chủ sở hữu	486,723,902,897	491,929,422,399	99%
2. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	28,963,823,494	21,847,289,552	133%
III - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	49,307,182,061	55,744,266,009	88%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	809,784,276,096	905,905,740,113	89%

5. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban GD và các cán bộ quản lý.

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và cộng tác tích cực từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty trong việc trao đổi thông tin, thông báo;
- Triệu tập họp HĐQT, họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát;

- Ban giám đốc điều hành đã cử các cán bộ có trách nhiệm làm việc kịp thời với Ban kiểm soát khi có yêu cầu, thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ hợp tác;
- Ban kiểm soát đánh giá sự phối hợp của HĐQT, Ban GD điều hành đã đáp ứng được yêu cầu quyền lợi của các cổ đông.

Kiến nghị cho năm 2021: HĐQT và BGD cần:

- Kiểm soát chặt chẽ tính tuân thủ của hệ thống;
- Tăng cường công tác kiểm soát, thu hồi công nợ, hàng gửi bán;
- Có biện pháp xử lý dứt điểm nợ đọng FCN – FCM;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng và kiểm soát việc tuân thủ quy trình bán hàng đã được ban hành 01.01.21
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn (đặc biệt là nguồn vốn lưu động bằng cách tăng vòng quay nguyên vật liệu và hàng tồn kho).

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2021 như sau:

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban giám đốc; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý kiến với HĐQT, đề xuất các kiến nghị với Ban Giám đốc nhằm thúc đẩy, triển khai đầy đủ, kịp thời các công việc cụ thể trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của BKS;
- Soát xét kế hoạch, báo cáo của Công ty về: tình hình tài chính, SXKD, thực hiện các dự án, công tác quản lý tổ chức...
- Soát xét, nêu ý kiến về Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty;
- Kiểm tra định kỳ và đột xuất các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban giám đốc;
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc và các phòng/ban, đơn vị chức năng trong Công ty.

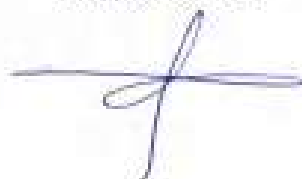
Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến để Ban Kiểm soát thực hiện tốt vai trò của mình trong việc giám sát các hoạt động của công ty.

Cuối cùng Ban kiểm soát xin gửi tới các quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Anh



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua BCTC năm 2020 đã kiểm toán

- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 Công ty cổ phần Khoáng sản FECON, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định tại Website chính thức của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định và đăng tải trên Website của Công ty (www.feconmining.com.vn).

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Triệu	720.347	809.784
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu	514.990	564.995
3	Tổng doanh thu (thuần)	Triệu	454.324	571.758
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu	35.675	27.868
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	-	640

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

TỜ TRÌNH

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung Kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu hợp nhất	Tỷ	572	660
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	27,8	35
4	Cổ tức (% VDL)	%	2,5% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu	5%

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hà Thế Phương

TỜ TRÌNH

Phương án phân phối lợi nhuận 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)
Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước		48.512.399.745
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020		27.868.959.623
Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020	25%	6.967.239.906
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>10%</i>	<i>2.786.895.962</i>
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>15%</i>	<i>4.180.343.943</i>
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020		697.000.000
Thưởng Ban điều hành năm 2020	01%	278.689.596
Chia cổ tức năm 2020 (bằng tiền mặt)	2,5% (VĐL)	10.250.000.000
Chia cổ tức năm 2020 (bằng cổ phiếu)	10% (VĐL)	41.000.000.000

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Chỉ tiêu	Kế hoạch thực hiện	Ghi chú
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	
Trích quỹ đầu tư phát triển	15% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	492.000.000 VNĐ	



Thưởng HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	01% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Trường hợp đạt từ 90% đến 100% kế hoạch về LNSTHN
	01% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cộng với tỷ lệ vượt kế hoạch tương ứng	Trường hợp đạt trên 100% kế hoạch về LNSTHN
Thưởng ban điều hành năm 2021	02% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Trường hợp đạt từ 90% đến 100% kế hoạch về LNSTHN
	02% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cộng với tỷ lệ vượt kế hoạch tương ứng	Trường hợp đạt trên 100% kế hoạch về LNSTHN
Chia cổ tức	5% vốn điều lệ	

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 và ủy quyền cho Giám đốc công ty căn cứ tình hình thực tiễn để thực hiện chi trả cho phù hợp.

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương



**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON**

-----***-----

Số: 04/TTr-HĐQTFCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nam, ngày tháng..... năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020;
dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS năm 2021**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020:

Tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 0612/2020/NQ – ĐHĐCĐ ngày 12/6/2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua phương án trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2020 như sau:

STT	Chức vụ/ vị trí	Số lượng (Người)	Từ tháng 01/2020-05/2020		Từ tháng 6/2020-12/2020		Tổng cộng
			Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao 5 tháng (VNĐ)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao 7 tháng (VNĐ)	
1	Chủ tịch HĐQT	1	25.000.000	125.000.000	12.500.000	87.500.000	212.500.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	50.000.000	5.000.000	35.000.000	85.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	8.000.000	120.000.000	4.000.000	84.000.000	204.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	8.000.000	40.000.000	4.000.000	28.000.000	68.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	5.000.000	50.000.000	2.500.000	35.000.000	85.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	5.000.000	25.000.000	2.500.000	17.500.000	42.500.000
Tổng cộng				410.000.000		287.000.000	697.000.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua quyết toán thù lao thực hiện năm 2020 của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT là: 697.000.000 đồng (Sáu trăm chín mươi bảy triệu đồng chẵn).



2. Kế hoạch phân phối thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021:

STT	Chức vụ/ vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao Năm 2021 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	12.500.000	150.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	60.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	4.000.000	144.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	4.000.000	48.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	2.500.000	60.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	2.500.000	30.000.000
Tổng cộng				492.000.000

+ Thời gian trả thù lao: Hàng tháng trả vào tài khoản cá nhân của từng người có trong danh sách được phê duyệt.

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.


Hà Thế Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON**

-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số: 05/TTr-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua danh sách 04 công ty Kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2021 như sau:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam);
3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC);
4. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trong trường hợp không thống nhất được với những Công ty Kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các Công ty Kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 và soát xét Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHQĐ;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019 QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ –CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ vào yêu cầu quản trị, điều hành hoạt động và sản xuất kinh doanh của công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể như sau:

Lý do sửa đổi Điều lệ: Trên cơ sở thay đổi của chính sách pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và hoạt động quản trị, điều hành thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Theo đó, điều chỉnh thứ tự các Điều khoản, sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Điều lệ, điều chỉnh chi tiết một số nội dung của các Điều khoản đảm bảo tính logic, phù hợp với quy định mới của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 và phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Nội dung Điều lệ sửa đổi: Chi tiết Điều lệ Công ty theo phụ lục đính kèm



Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều lệ và ban hành Điều lệ mới của Công ty theo các nội dung đề xuất sửa đổi và toàn văn dự thảo Điều lệ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Bản điều lệ hiện hành. Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức hoàn thiện và ký ban hành Điều lệ mới theo quy định.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- ĐHQĐCĐ;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Handwritten signature in blue ink.

Hà Thế Phương



Số: 07/TT-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua các Quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019 QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ vào yêu cầu quản trị, điều hành hoạt động và sản xuất kinh doanh của công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các Quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

Luật doanh nghiệp năm 2020, Luật chứng khoán năm 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP số có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 theo đó quy định Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2021 cũng đã ban hành các mẫu Quy chế này để các Công ty đại chúng tham chiếu xây dựng trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật nêu trên và thực tiễn hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã soạn thảo Quy chế quản trị nội bộ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ban hành thay thế Quy chế quản trị nội bộ hiện hành của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát đã soạn thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Về tổng thể các quy định của Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội



đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát là sự cụ thể hóa các quy định của luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán năm 2019, Điều lệ Công ty, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và dựa trên mẫu được ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Nội dung cụ thể của Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (chi tiết theo tài liệu đính kèm)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo các Dự thảo Quy chế đính kèm tờ trình này.

Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sẽ có hiệu lực kể từ ngày Trưởng ban kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát ký ban hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- DHECD;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương



S6.2529/2021/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nam, ngày 06 tháng 5 năm 2021



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ các tờ trình của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần khoáng sản FECON ngày 06/5/2021;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các báo cáo sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 sau khi hợp nhất của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Kết quả	Tỷ lệ đạt được
1	Doanh thu hợp nhất	600/800	572	95,2%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	36/48	27,9	77,5%

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2021:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu hợp nhất	Tỷ	572	660
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ	27,9	35

Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2021:

- Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng nhà máy bê tông Thái hà và Cảng Thái Hà.
- Đề xuất đầu tư thêm thiết bị phục vụ sản xuất tại công ty CP khoáng sản FECON: 15 tỷ đồng.

2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021.

3. Thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của thành viên độc lập HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

4. Thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của FCM và Hợp nhất: chi tiết đăng tại website <http://www.feconmining.com.vn/>; và trang thông tin điện tử chính thức của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	720.347	809.784
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	514.990	564.995
3	Doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đồng	454.324	571.758
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Triệu đồng	35.675	27.868
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	-	640

Điều 3: Thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu hợp nhất	Tỷ	572	660
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ	27,8	35
4	Cổ tức bằng tiền(%VDL)	%	2,5% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu	5%

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:**1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:**

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)
Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước		48.512.399.745
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020		27.868.959.623
Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020	25%	6.967.239.906
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	10%	2.786.895.962
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	15%	4.180.343.943
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020		697.000.000
Thưởng Ban điều hành năm 2020	01%	278.689.596

Chia cổ tức năm 2020 (bằng tiền mặt)	2,5% (VĐL)	10.250.000.000
Chia cổ tức năm 2020 (bằng cổ phiếu)	10% (VĐL)	41.000.000.000

2. Thưởng ban điều hành năm 2020: 01% lợi nhuận sau thuế tương ứng với: 278.689.596 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng, sáu trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm chín mươi sáu bảy đồng) và giao cho Giám đốc công ty căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty để thực hiện.

3. Chia cổ tức năm 2020:

.....

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Chỉ tiêu	Kế hoạch thực hiện	Ghi chú
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	
Trích quỹ đầu tư phát triển	15% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	492.000.000VNĐ	
Thưởng HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	01% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Trường hợp đạt từ 90% đến 100% kế hoạch về LNSTHN
	01% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cộng với tỷ lệ vượt kế hoạch tương ứng	Trường hợp đạt trên 100% kế hoạch về LNSTHN
Thưởng ban điều hành năm 2021	02% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Trường hợp đạt từ 90% đến 100% kế hoạch về LNSTHN
	02% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cộng với tỷ lệ vượt kế hoạch tương ứng	Trường hợp đạt trên 100% kế hoạch về LNSTHN
Chia cổ tức	5% vốn điều lệ	

- Ủy quyền Giám đốc công ty căn cứ tình hình thực tiễn để thực hiện chi trả phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5: Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch phân phối thù lao HĐQT, BKS năm 2021:

1. Quyết toán thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2020

Mức phân phối thù lao năm 2020 của HĐQT và BKS là: 697.000.000 đồng (Sáu trăm chín mươi bảy triệu đồng chẵn).

2. Kế hoạch phân phối thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021:

STT	Chức vụ/ vị trí	Số lượng (Người)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao Năm 2021 (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	12.500.000	150.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	60.000.000

3	Thành viên HĐQT	3	4.000.000	144.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	4.000.000	48.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	2.500.000	60.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	2.500.000	30.000.000
Tổng cộng				492.000.000

- Ủy quyền Giám đốc công ty chọn thời điểm phân bổ thù lao hội đồng quản trị và quyết định hoạch toán các khoản tiền trên phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi nhất cho công ty.

Điều 6: Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021:

- i. 1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- ii. 2. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam);
- iii. 3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC);
- iv. 4. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Công ty chọn 01(một) công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán/ soát xét báo cáo tài chính của công ty trong danh sách 04 (bốn) công ty kiểm toán trên.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho hội đồng quản trị lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của ủy ban chứng khoán nhà nước để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 và soát xét báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên năm 2021 (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước).

Điều 7: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty:

Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và ban hành Điều lệ mới của Công ty theo các nội dung đề xuất sửa đổi và toàn văn dự thảo Điều lệ trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ (theo nội dung Tờ trình số 06/TTr-HĐQTFCM).

Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho Bản điều lệ hiện hành. Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức hoàn thiện và ký ban hành Điều lệ mới theo quy định.

Điều 8: Thông qua các Quy chế thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ:

1. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (theo nội dung Tờ trình số 07/TTr-HĐQTFCM).

2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sẽ có hiệu lực kể từ ngày Trưởng ban kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát ký ban hành sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 9: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (Đề báo cáo)
- HĐQT; BĐH (T/hiện); BKS (g/sát)
- Các cổ đông;
- Lưu: VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Hà Thế Phương





CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.	1
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của công ty	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	3
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	3
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	3
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	4
Điều 9. Chào bán cổ phần.....	4
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần.....	4
Điều 11. Thu hồi cổ phần.....	4
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	5
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	5
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 13. Quyền của cổ đông.....	5
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông.....	6
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 18. Thay đổi các quyền	10
Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	13
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông	14
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	16
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	17
Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	19
Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	19
Điều 32. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	20
Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty	21
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	21
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý.....	21
Điều 35. Người điều hành Công ty	21
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	21

IX. BAN KIỂM SOÁT	22
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	22
Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát.....	22
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát.....	23
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	23
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	23
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	24
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	24
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	24
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	25
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	25
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	25
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	26
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	26
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	26
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	26
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	26
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	26
Điều 49. Năm tài chính	27
Điều 50. Chế độ kế toán.....	27
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	27
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	27
Điều 52. Báo cáo thường niên	27
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	27
Điều 53. Kiểm toán	27
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	28
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp.....	28
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	28
Điều 55. Giải thể Công ty	28
Điều 56. Gia hạn hoạt động	28
Điều 57. Thanh lý	28
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	29
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	29
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	29
Điều 59. Điều lệ công ty	29
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	29
Điều 60. Ngày hiệu lực	29
PHỤ LỤC I.....	30
NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY	30
PHỤ LỤC II.....	31
CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY TỪ KHI THÀNH LẬP.....	31

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - i. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con "đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;
 - k. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;
 - l. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;
 - m. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o. "Sở Giao dịch Chứng khoán" là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (mục, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên công ty:
 - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**
 - Tên tiếng Anh: **FECON Mining Joint Stock Company.**
 - Tên viết tắt: **FECON Mining.**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
- Điện thoại: 0226. 3533038
- Fax: 0226. 3533897
- Email: info@feconmining.com.vn
- Website: www.feconmining.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trường hợp công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty.

Trường hợp công ty có hai người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê xe có động cơ.
- Khai thác quặng sắt
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Thi công xây dựng: nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm cọc công nghệ cao;
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm đại kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)
- Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;

- Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam;
- Buôn bán: vật tư, vật liệu, thiết bị công nghệ thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ kho vận;
- Tư vấn, môi giới bất động sản (không bao gồm các loại hoạt động tư vấn về giá đất);
- Kinh doanh khách sạn, văn phòng (không bao gồm phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Huy động vốn của các cổ đông, tổ chức trong và ngoài nước và để sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời đổi mới tổ chức sản xuất và công tác quản lý, quản trị Công ty nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm cho người lao động; không ngừng nâng cao lợi ích của cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 410.000.000.000 đồng (Bốn trăm mười tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 41.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp được nêu tại phụ lục kèm theo Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

- a. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- b. Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- c. Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Công ty thực hiện chào bán cổ phần theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

4. Việc chào bán cổ phần thực hiện theo Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và

nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. (Các quyền đối với các loại cổ phần khác)

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần

hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp và trung thực của Phiếu biểu quyết gửi đến;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị (trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán);

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự cuộc họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và Điều 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh

sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện được uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ toạ thì Trường ban kiểm điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

c. Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ toạ đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu và kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.

2. Các nghị quyết được thông qua khi số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật doanh nghiệp

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại

hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc;

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị còn lại.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch cùng vắng mặt thì ủy quyền cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt

hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [05 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 32. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; và

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d. Các trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người quản lý khác;

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty; và

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng.

Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát;

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao

dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Việc sao chụp hoặc trích lục phải được thực hiện trong giờ làm việc và tại Trụ sở chính của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam Trường hợp công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập hội Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần khoáng sản FECON nhất trí thông qua ngày 06 tháng 5 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

PHỤ LỤC I

NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần khoáng sản FECON)

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395 (Chính)
2.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
3.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
4.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
5.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
6.	Cho thuê xe có động cơ	7710
7.	Khai thác quặng sắt	0710
8.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu.	0722
9.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
10.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
11.	<ul style="list-style-type: none"> - Thi công xây dựng: nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị; - Thí nghiệm cọc công nghệ cao; - Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình. - Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm; - Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng; - Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam; - Buôn bán: Vật tư, vật liệu, thiết bị công nghệ thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp; - Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; - Dịch vụ kho vận; - Tư vấn, môi giới bất động sản (không bao gồm các hoạt động tư vấn về giá đất); - Kinh doanh khách sạn, văn phòng (không bao gồm phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. 	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

PHỤ LỤC II

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY TỪ KHI THÀNH LẬP

(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần khoáng sản FECON)

Stt	Thời điểm thay đổi	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Ghi chú
1	05/05/2010	150.000.000.000	15.000.000	Cổ phần phổ thông	
2	20/02/2013	268.000.000.000	26.800.000	Cổ phần phổ thông	
3	08/08/2014	410.000.000.000	41.000.000	Cổ phần phổ thông	



FECON
Mining

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần khoáng sản FECON;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 5 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần...

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần khoáng sản FECON bao gồm các nội dung sau:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. Quy định cụ thể tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo

tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

+ Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

+ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

+ Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

+ Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

+ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty;

+ Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 15 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

+ Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 15 Điều lệ Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

+ Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

b. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- Công ty thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- Công ty báo cáo và nộp đầy đủ tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin chậm nhất mười (10) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

d. Thông báo triệu tập Đại Hội đồng cổ đông.

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

+ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

+ Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

+ Phiếu biểu quyết;

+ Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

đ. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị của nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 13 Điều lệ Công ty, thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ Công ty;

+ Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ Công ty;

+ Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

e. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

g. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- Trước khi khai mạc cuộc họp, công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

h. Điều kiện tiến hành;

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

i. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

+ Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

+ Định hướng phát triển Công ty;

+ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

+ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

+ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

+ Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

+ Tổ chức lại, giải thể Công ty.

k. Cách thức bỏ phiếu;

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

- Hình thức biểu quyết tại đại hội của cổ đông đó bao gồm:

+ Biểu quyết công khai;

+ Bỏ phiếu kín.

- Đối với mỗi nội dung biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết công khai, cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.

- Đối với mỗi nội dung biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín, cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào một trong ba ô: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến trên Phiếu biểu quyết.

l. Cách thức kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban kiểm phiếu gồm những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- Thẻ biểu quyết khi được cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền bỏ phiếu sẽ được tập hợp và lưu trữ trong hòm phiếu. Hòm phiếu sẽ được niêm phong từ trước thời điểm bỏ phiếu cho đến khi kết thúc thời điểm bỏ phiếu và do ban kiểm phiếu quản lý.

- Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Các nội dung biểu quyết;

+ Số cổ đông với tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ;

+ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng đối với từng nội dung biểu quyết;

+ Các nội dung được thông qua;

+ Họ và tên chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.

m. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- + Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

- + Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- + Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.

- + Quyết định sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.

- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều 22 Điều lệ công ty và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

n. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- Đối với mỗi nội dung được Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết công khai, tổng số phiếu tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến của từng vấn đề được Chủ tọa hoặc đại diện ban kiểm phiếu thông báo ngày sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

- Đối với tất cả các nội dung biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông quyết định biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín, Biên bản kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc đại diện ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

- Đối với thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

o. Cách thức phân đổi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điều 132 Luật doanh nghiệp.

- Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

p. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- + Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- + Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- + Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- + Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

q. Công bố Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (bao gồm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Biên bản họp).

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT- BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 16/11/2020 và theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a, Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản. (quy định theo Điều 23 Điều lệ công ty)

b, Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (quy định theo Điều 23 điều lệ công ty)

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).

a. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ được quy định cụ thể theo điều 28 Điều lệ công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng có thể là cổ đông Công ty hoặc không phải là cổ đông Công ty; Quy định cụ thể theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

c. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;

- Trình độ học vấn;

- Trình độ chuyên môn;

- Quá trình công tác;

+ Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

- + Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên liên quan của Công ty;
- + Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty
- + Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vị thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

- Cổ đông và nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng cử theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được Công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

- Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng ứng viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền sử dụng tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng viên; hoặc một số ứng viên với số lượng bầu cho mỗi ứng viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần quyền bầu còn lại cho bất kỳ ứng viên nào.

- Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Trong đó, các ứng viên cho vị trí Thành viên độc lập Hội đồng quản trị sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên cho vị trí Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không độc lập còn lại);

- Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu;

- Trường hợp có từ 02 (hai) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc Điều lệ Công ty.

đ. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

+ Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

+ Có đơn từ chức và được chấp thuận;

+ Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

+ Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

e. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 và theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

g. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

- Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

+ Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh;

+ Trình độ học vấn;

+ Trình độ chuyên môn;

+ Quá trình công tác;

+ Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

+ Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty, trong trường hợp hiện ứng viên đó đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

+ Các lợi ích liên quan tới Công ty (nếu có);

+ Họ, tên cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử tên ứng viên đó (nếu có)

+ Các thông tin khác (nếu có).

h. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

- Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

b. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

c. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định).

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết

định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

d. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.

- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại mục này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e. Cách thức biểu quyết.

- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nhưng Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- Theo quy định Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng trừ trường hợp có tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

g. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

h. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i. Lập biên bản Họp đồng quản trị

- Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Thời gian, địa điểm họp;
- + Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- + Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- + Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- + Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- + Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến;
- + Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- + Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.

- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

k. Trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị;

l. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Công ty thực hiện công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng quản trị trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm ban hành Nghị quyết

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TTBTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 và theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:

a. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban;

b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

- Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

b. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm

c. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm trợ lý người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

d. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty được thông báo đến các cá nhân/tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định khác của Công ty.

đ. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động Công bố thông tin của Công ty;
- Bảo mật các thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát: Quy định cụ thể tại Điều 40 Điều lệ Công ty

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;

- Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người.

b. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

c. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

- Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại (khoản 1, khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty.)

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

đ. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

+ Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;

+ Có đơn từ chức và chấp thuận;

+ Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

+ Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

+ Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

+ Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

e. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

- Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TTBTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 và theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

g. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mục đích hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 5. Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc;

a. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

b. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc quy định tại khoản 4 Điều 36 Điều lệ công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

a. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc;

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc;

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

c. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc;

d. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc;

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

đ. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc;

- Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc công ty.

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TTBTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 và theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

e. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.

Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc gồm các nội dung chính sau đây:

a. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc;

- Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc:

+ Cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc đồng thời là cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị;

+ Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: Báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong quý và thông qua báo cáo tài chính quý của Công ty.

+ Hội đồng quản trị có thể tổ chức cuộc họp bất thường với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

+ Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình và các tài liệu liên quan được gửi trước cuộc họp;

b. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

- Công ty phải công bố thông tin trên cho Ban kiểm soát trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực.

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TTBTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 và theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

c. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc;

- Công ty phải công bố thông tin trên cho Giám đốc trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực.

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TTBTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 và theo Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

d. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

- Các trường hợp Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị:

+ Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc hành vi vi phạm điều lệ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;

+ Nhận được thông báo khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Luật doanh nghiệp;

+ Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu.

- Những vấn đề Giám đốc cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

+ Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

+ Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

+ Các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi tắt là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý của Công ty. Bản dự toán hàng năm bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ);

+ Các vấn đề mà quyền quyết định vượt qua khỏi phạm vi quyền hạn của Giám đốc;

+ Các vấn đề khác xét thấy là cần thiết đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

- Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị này. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- Các nội dung cần xin ý kiến và tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải có ý kiến trả lời bằng văn bản trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Giám đốc.

đ. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi Hội đồng quản trị. Việc báo cáo phải được thực hiện định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị;

- Trường hợp nhận được yêu cầu của Hội đồng quản trị, Giám đốc phải lập báo cáo và gửi đến Hội đồng quản trị trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

e. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc;

- Việc kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc được tiến hành tại cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.

- Hàng quý, sáu tháng và hàng năm, Hội đồng quản trị kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Giám đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện.

- Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có tham khảo ý kiến từ Ban Kiểm soát.

g. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát khi công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:

+ Tài khoản ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi phong tỏa;

+ Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý cấp cao; có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.

- Các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

- Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập bằng văn bản và gửi cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để giải quyết công việc.

h. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

- Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp sử dụng nguồn lực trong thời gian hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ mà được Giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong thời hạn theo quy định của Quy chế này và Điều lệ công ty.

- Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;

2.1. Đánh giá hoạt động

a. Phương thức đánh giá hoạt động:

- Công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý cấp cao khác có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

+ Tự nhận xét, đánh giá;

+ Tổ chức lấy ý kiến thăm dò, tín nhiệm;

+ Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

- Đối với các cán bộ quản lý, Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá; sau đó báo cáo kết quả đánh giá cho Hội đồng quản trị.

b. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

- Hội đồng quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Hội đồng quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý cấp cao khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát.

- Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động do Giám đốc quyết định.

2.2. Khen thưởng, kỷ luật

a. Hội đồng quản trị quyết định hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

b. Giám đốc quyết định hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Giám đốc bổ nhiệm.

c. Nguyên tắc, hình thức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được thực hiện theo Quy chế trả lương, thưởng, thù lao hiện hành của Công ty.

- Hình thức khen thưởng:

+ Bằng khen;

+ Bằng tiền;

+ Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cán bộ công nhân viên;

+ Hình thức khác.

- Nguồn khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật

- Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động từng năm để xây dựng mức khen thưởng hợp lý.

d. Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm kỷ luật đối với cán bộ quản lý Công ty thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

- Một số vi phạm kỷ luật chủ yếu:

+ Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, trách nhiệm của mình;

+ Lạm dụng quyền hành, chức năng ra quyết định vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty;

+ Có hành vi trục lợi cá nhân trong quá trình hoạt động và thực hiện những công tác được phân công;

+ Vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo yêu cầu luật định và quy chế công bố thông tin;

- + Các trường hợp khác theo quy định.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật.
- Các hình thức kỷ luật:
 - + Xử phạt hành chính;
 - + Bãi nhiệm, miễn nhiệm;
 - + Truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật
- Ngoài ra, các thành viên bị kỷ luật phải hoàn trả lại khoản lợi ích mà thành viên hưởng lợi từ hành vi vượt quá thẩm quyền hoặc hành vi trục lợi cá nhân.
- Thành viên bị kỷ luật phải bồi thường thiệt hại cho khoản thiệt hại gây ra cho Công ty do hành vi vi phạm pháp luật và/hoặc vượt quá thẩm quyền mà mình đã thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON bao gồm 07 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản FECON nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng 5 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hà Thế Phương

FECON
Mining

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Căn cứ ban hành	1
Điều 2. Từ ngữ viết tắt và giải thích từ ngữ	1
Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT	2
CHƯƠNG 2: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT	2
Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT	2
Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT	3
Điều 9. Chủ tịch HĐQT và phó Chủ tịch HĐQT	3
Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thay thế và bổ sung thành viên HĐQT	4
Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 12. Hồ sơ cần thiết để đề cử ứng viên HĐQT:	6
Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
CHƯƠNG 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 14. Hội đồng quản trị	7
Điều 15. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	7
Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	8
Điều 17. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ...	9
Điều 18. Bộ phận giúp việc của HĐQT	9
CHƯƠNG 4: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 19. Các cuộc họp của HĐQT	10
Điều 20. Biểu quyết và thông qua các nghị quyết của HĐQT	11
Điều 21. Biên bản cuộc họp HĐQT	12
CHƯƠNG 5: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 22. Báo cáo hàng năm	13
Điều 23. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT	13
Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan	14
CHƯƠNG 6: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 26. Mối quan hệ của HĐQT với Ban Giám đốc	15
Điều 27. Mối quan hệ của HĐQT với Ban Kiểm soát	15
CHƯƠNG 7: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	15
Điều 28. Hiệu lực thi hành	15

CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ ban hành

Quy chế này được ban hành dựa trên các căn cứ sau:

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng.. năm 2021
7. Quy chế Quản trị của Công ty cổ phần khoáng sản FECON;

Điều 2. Từ ngữ viết tắt và giải thích từ ngữ

Trừ khi ngữ cảnh có yêu cầu khác đi, các từ và cụm từ trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (“**Quy chế này**”) này sẽ có ý nghĩa như sau:

1. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
2. Luật Chứng khoán: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021.
3. Nghị định 155: Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021
4. Quy chế quản trị: Quy chế quản trị Công ty cổ phần khoáng sản FECON
5. “Công ty” hoặc “FECON Mining” được hiểu là Công ty cổ phần khoáng sản FECON.
8. Điều lệ Công ty là điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần khoáng sản FECON.
9. Đại hội đồng cổ đông sau đây gọi tắt là ĐHĐCĐ.
10. Ban Kiểm soát sau đây gọi tắt là BKS.
11. Hội đồng quản trị sau đây gọi tắt là HĐQT.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- a) Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ, quan hệ công tác, cơ chế làm việc, chế độ họp và thông qua quyết định, chế độ báo cáo của Hội đồng quản trị và thù lao của thành viên HĐQT Công ty cổ phần khoáng sản FECON .
- b) Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định tại Quy chế này với các văn bản, chính sách nội bộ khác của Công ty, thì Quy chế này sẽ được ưu tiên áp dụng.
- c) Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy định tại Quy chế này với Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật hướng dẫn thi hành các luật này, thì những quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các bản bản quy phạm hướng dẫn được ưu tiên áp dụng.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với thành viên HĐQT, bộ máy giúp việc của HĐQT, Ban Giám đốc và những người liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG 2: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Hội đồng quản trị gồm ít nhất 05 thành viên và nhiều nhất là 11 thành viên do ĐHCĐ bầu.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, điều 17 Luật doanh nghiệp hiện hành.
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 9. Chủ tịch HĐQT và phó Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và phó Chủ tịch HĐQT do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị

Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Phó Chủ tịch HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a) Thay mặt HĐQT và Chủ tịch HĐQT để thực hiện thẩm quyền của HĐQT và Chủ tịch HĐQT theo Nghị quyết của HĐQT hoặc theo Văn bản do Chủ tịch HĐQT ký ban hành;
 - b) Điều phối, xử lý công tác hàng ngày của HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị của Công ty và theo sự phân công từ Chủ tịch HĐQT;
 - c) Chịu trách nhiệm trước HĐQT, chủ tịch HĐQT và trước pháp luật đối với các thẩm quyền, hạn mức phê duyệt đã được phân cấp theo các quy định tại Điều lệ này.
 - d) Thực hiện các chức năng quản trị - điều hành khác đối với hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, Nghị quyết của HĐQT và Văn bản phân cấp do Chủ tịch HĐQT ký ban hành.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông thực hiện bầu cử theo Phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể:
- a) Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) của cổ đông nhân với số ứng viên trong danh sách cần bầu;
 - b) Cổ đông có thể chia tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng viên, hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trắng);
 - c) Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu;
 - d) Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại thành viên đó trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau;
 - e) Việc quyết định Phương thức bầu cử khác ngoài Phương thức bầu dồn phiếu phải được ĐHĐCĐ thông qua và phải được cập nhật, bổ sung và Điều lệ Công ty.
4. Trình tự, thủ tục bầu cử được thực hiện như sau:
- a) Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thực hiện việc bầu cử theo nguyên tắc bỏ phiếu kín vào Thùng phiếu, thùng phiếu do Ban Tổ chức chuẩn bị để phục vụ bầu cử;
 - b) Ban kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra Thùng phiếu trước sự chứng kiến của các Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tham dự cuộc họp;
 - c) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh từ Đoàn Chủ tọa và kết thúc khi Cổ đông/ Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
 - d) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm chính trong việc thống kê kết quả bầu cử. Đoàn chủ tọa phân công một số nhân sự giúp việc, hỗ trợ Ban Kiểm phiếu để thực hiện thủ tục kiểm phiếu, thống kê kết quả bầu cử;
 - e) Kết quả bầu cử được thống kê ngay sau khi việc bầu cử kết thúc;
 - f) Ban kiểm phiếu chỉ thống kê những phiếu bầu hợp lệ;
 - g) Ban kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
 - h) Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản kiểm phiếu, có chữ ký của các Thành viên Ban Kiểm phiếu;
 - i) Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; số và tỷ lệ Phiếu bầu hợp lệ, Số và tỷ lệ phiếu bầu không hợp lệ; Số phiếu và tỷ lệ bầu cho từng ứng viên;



- j) Trường ban kiểm phiếu đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của công ty trong vòng 24 giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - k) Kết quả bầu cử được ghi nhận trong Biên bản cuộc họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong đó, ghi rõ số và tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng viên; Kết quả trúng cử/ không trúng cử của từng ứng viên.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 12. Hồ sơ cần thiết để đề cử ứng viên HĐQT:

1. Thành phần hồ sơ của ứng viên HĐQT được đề cử bao gồm:
 - a) Phiếu đề cử hợp lệ;
 - b) Sơ yếu lý lịch của ứng viên, chứa các thông tin cơ bản gồm: Thông tin cá nhân (họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ cư trú, giấy tờ chứng thực cá nhân); Quá trình công tác; Số cổ phần mà ứng viên nắm giữ tại Công ty; Bảng kê khai thông tin người có liên quan của ứng viên và số cổ phần nắm giữ của từng người;
 - c) Bản sao y chứng thực giấy tờ, tài liệu liên quan đến ứng viên gồm: Giấy tờ chứng thực cá nhân (CMTND/CCCD/Hộ chiếu); Hộ khẩu hoặc giấy tờ xác nhận nơi cư trú; Bằng cấp, chứng chỉ liên quan đến trình độ chuyên môn (nếu có).
2. Trường hợp ứng viên do Cổ đông, nhóm Cổ đông đề cử, thì ngoài thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, Cổ đông, nhóm Cổ đông đề cử phải cung cấp:
 - a) Danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử;
 - b) Giấy xác nhận số cổ phần mà Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi Cổ đông, nhóm Cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam VSD (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông);
 - c) Biên bản họp nhóm Cổ đông, trong trường hợp ứng viên do nhóm Cổ đông đề cử;
3. Trường hợp ứng viên do HĐQT giới thiệu bổ sung, thì ngoài thành phần hồ sơ theo quy định, HĐQT phải tổ chức cuộc họp bất thường, để ra Nghị quyết thông qua danh sách ứng viên HĐQT được giới thiệu bổ sung.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định tại luật chứng khoán hiện hành

CHƯƠNG 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên HĐQT được quy định tại khoản 1, điều 7, quy chế này.
2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định như sau:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
3. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
4. Chủ tịch và phó chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp HĐQT theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty. Việc phân công điều chuyển nhiệm vụ giữa các thành viên phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ, do HĐQT quyết định.

Điều 15. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ chung sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

- m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
 - p) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - q) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
 - r) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty
 - d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - i. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - f) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần góp vốn tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - h) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và Người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

- 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 17. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 18. Bộ phận giúp việc của HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập các ban, bộ phận để giúp HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.
2. Ngoài các ban, bộ phận nêu trên, HĐQT có thể giao nhiệm vụ cho các phòng ban bộ phận trong Công ty thực hiện tham mưu, giúp việc cho HĐQT hoặc sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu cần thiết) để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT.

CHƯƠNG 4: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Các cuộc họp của HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT

a) Cuộc họp đầu tiên của HĐQT nhiệm kỳ mới

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

b) Cuộc họp định kỳ

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày dự kiến họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

c) Cuộc họp bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

i) Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;

ii) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

iii) Ban kiểm soát.

d) Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại mục (c) khoản 1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở mục (c) khoản 1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

e) Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của các thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Chủ tọa cuộc họp HĐQT là Chủ tịch HĐQT hoặc người được chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt và không ủy quyền thì các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp bầu 1 người làm chủ tọa cuộc họp.

Điều 20. Biểu quyết và thông qua các nghị quyết của HĐQT

1. Biểu quyết.

- a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c) Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - e) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết hợp đồng với Công ty và bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch là phiếu quyết định.
 3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào

thời điểm thông qua Điều lệ này sau này) hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

4. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
6. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách là thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
7. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 21. Biên bản cuộc họp HĐQT

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG 5: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 22. Báo cáo hàng năm

1. HĐQT thực hiện chế độ báo cáo cho ĐHĐCĐ theo 02 phương thức sau:
 - a) Công bố thông tin (định kỳ hoặc bất thường) trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Luật chứng khoán hiện hành;
 - b) Báo cáo trực tiếp trước ĐHĐCĐ tại các cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Đối với các công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:
 - a) Các công bố thông tin trên thị trường chứng khoán phải đáp ứng yêu cầu về nội dung, thể thức và sử dụng đúng biểu mẫu được quy định tại Luật chứng khoán hiện hành;
 - b) Việc công bố thông tin phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn quy định.
3. Đối với các báo cáo trực tiếp trước ĐHĐCĐ tại các cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - a) HĐQT lập và trình bày các báo cáo định kỳ tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.
 - b) Các báo cáo định kỳ của HĐQT phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - Báo cáo tài chính
 - Tổng kết hoạt động của HĐQT, các cuộc họp và các Nghị quyết của HĐQT được thông qua trong kỳ báo cáo;
 - Kết quả hoạt động và kết quả đánh giá, giám sát của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT;
 - Thù lao, chi phí hoạt động các lợi ích khác của HĐQT và từng Thành viên HĐQT;
 - Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành và các CBQL khác;
 - Kết quả thực hiện chủ trương, quyết định của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại các cuộc họp trước của ĐHĐCĐ;
 - Các báo cáo khác (nếu có).
4. Báo cáo quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
5. Báo cáo quy định tại khoản 3 điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

Điều 23. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty, HĐQT đề xuất chi phí hoạt động, thù lao cho thành viên HĐQT với ĐHĐCĐ, thành viên HĐQT được hưởng mức thù lao và lợi ích theo quyết định của ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng

trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG 6: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 26. Mối quan hệ của HĐQT với Ban Giám đốc

1. HĐQT phê duyệt, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT mà Giám đốc trình, báo cáo theo quy định của nội bộ Công ty.
2. Các phiên họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ vào nội dung họp để quyết định mời Giám đốc, thành viên Ban Giám đốc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu cần).
3. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc sự kiện có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được giao trực tiếp phụ trách mảng công việc đó để biết chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 27. Mối quan hệ của HĐQT với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
3. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG 7: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khoáng sản FECON bao gồm 07 chương 28 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng..... năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hà Thế Phương

FECON
Mining

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT**



MỤC LỤC

Chương I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt.....	1
Chương II	1
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	1
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	1
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát	2
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	4
Chương III.....	4
BAN KIỂM SOÁT	4
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	4
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	6
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	6
Chương IV.....	6
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát	6
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	6
Chương V.....	7
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	7
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm	7
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác.....	7
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	7
Chương VI.....	8
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	8
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	8
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	8
Chương VII	8
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	8
Điều 22. Hiệu lực thi hành	8

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần khoáng sản Fecon;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản Fecon.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản Fecon bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

2. Trường hợp các quy định của pháp luật hoặc điều lệ công ty có quy định khác với nội dung của quy chế này thì áp dụng theo quy định của luật hoặc điều lệ công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

“Công ty”: Công ty cổ phần khoáng sản Fecon;

“Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của công ty cổ phần khoáng sản Fecon;

“Giám đốc”: Giám đốc điều hành của công ty cổ phần khoáng sản Fecon;

“Ban kiểm soát”: Ban kiểm soát của công ty cổ phần khoáng sản Fecon.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc

kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản FECON bao gồm 7 chương 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Anh